UBND HUYỆN DIỄN CHÂU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG TH DIỄN THỊNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số 92/ KH-THDT *Diễn Thịnh, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học: 2024-2025**

**PHẦN I: CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ thông tư 32/2018/TT-BGD ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo về chương trình tổng thể - chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ công văn số 2345/BGDĐT-GDTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn 1511/CSGDĐT-GDTH ngày 04/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học từ năm học 2021-2022;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/ NQ-HĐND ngày 13 tháng 2 năm 2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD của nhà trường đối với cơ sở GD công lập; mức thu tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh nghệ An.

Căn cứ Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ GDĐT quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020-2021.

Căn cứ Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Nghệ An về ban hành khung kế hoạch thời gian năm học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên năm học 2024-2025.

Căn cứ công văn số 1841/SGD&ĐT-GDTH ngày 21/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục tiểu học; Công văn số 739/PGDĐT-GDTH ngày 29/8/2024 của Phòng GD&ĐT Diễn Châu về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025;

 Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương, Trường Tiểu học Diễn Thịnh xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

**PHẦN II: ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025:**

Năm học 2024 - 2025 là năm học tiếp tục triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Đặc biệt đây là năm học mà cấp Tiểu học triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đồng bộ đối với tất cả các khối lớp trong nhà trường, Trường TH Diễn Thịnh có những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động dạy học của nhà trường trong năm học 2024-2025 như sau:

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương:**

Chính quyền địa phương, các tổ chức ban ngành, đoàn thể và khoảng 85% số phụ huynh quan tâm đến giáo dục luôn quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

Trình độ dân trí của xã tương đối đồng đều, 80% trình độ văn hóa 12/12. Cơ bản cha mẹ học sinh luôn đồng thuận với sự nghiệp giáo dục; họ thấu hiểu, chia sẻ, tin tưởng vào các hoạt động nhà trường triển khai.

Công tác huy động tài trợ luôn được cha mẹ học sinh quan tâm và đồng thuận.

Có truyền thống về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, đặc biệt là các cuộc thi văn hóa văn nghệ các cấp luôn đạt kết quả cao.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường:**

***2. 1.*  *Đặc điểm tình hình học sinh:***

1. ***\* Số lượng năm học 2024- 2025:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TOÀN TRƯỜNG | **TỔNG****SỐ** | TRONG ĐÓ |
| **KHỐI 1** | **KHỐI 2** | **KHỐI 3** | **KHỐI 4** | **KHỐI 5** |
| Số lớp | **35** | 7 | 8 | 7 | 7 | 6 |
| Số học sinh | **1370** | 235 | 304 | 273 | 296 | 262 |
| Trong đó: - Nữ | **675** | 105 | 151 | 135 | 154 | 130 |
|  - HS công giáo | **280** | 46 | 52 | 63 | 62 | 57 |
|  - HS trái tuyến | **20** | 5 | 5 | 5 | 2 | 3 |
|  - HS khuyết tật | **5** | 1 | 2 |  |  | 2 |
|  - HS lưu ban | **1** | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  - HS mới tuyển | **234** | 234 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**\* Chất lượng:** Theo đánh giá cuối năm học 2023 - 2024:

- Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 296/296 = 100%.

- Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 263/269 = 97,8%.

 - Đạt Tiêu chuẩn PCGDTH Mức độ: 3

**\* Kết quả các cuộc giao lưu, các sân chơi trí tuệ năm học 2023 - 2024:**

- HS đạt hs được khen thưởng: 1031/1394 = 74%.

Trong đó: Học sinh Xuất sắc và Học sinh tiêu biểu và vượt trội các môn: 908/1394

- Hoàn thành chương trình lớp học: 1393/1394= 99,9 %.

Học sinh đạt vở sạch chữ đẹp cấp trường: 123 HS/1394: Đặc biệt: 1; Giải nhất : 2; Nhì: 4; Giải ba: 6; Giải khuyến khích: 86 em. Trong đó có 3 Học sinh được tham gia vòng thi Cấp quốc gia.

Nhà trường tổ chức được 15 lượt khảo sát năng lực/ toàn trường (bình quân mỗi khối 3 lượt khảo sát) Tổng số HS tham gia: 874 HS đạt 63%/ Tổng số HS toàn trường. Cuộc khảo sát này, với mục đích khuyến khích, động viên học sinh tham gia. Những học sinh có thành tích cao sẽ được nhà trường khen ngời và tặng thưởng.

Gương “Người tốt việc tốt” được học sinh tham gia thường xuyên, liên tục trong cả năm học. Nhờ đó mà thực hiện tốt việc ăn quà văt; gây gỗ đánh nhau; thói quen sử đưa tiền lẻ tới trường; được của rơi tìm người trả lại…: tổng số HS được khen thưởng là 154 lượt khen.

**Hoạt động Ngoại khóa – Trải nghiệm:**

**17 đợt hoạt động lớn: Bình quân mỗi tháng 2 hoạt động/ sân trường.**

Hoạt động trải nghiêm: Quê Bác –Eo gió Nam Đàn (Dành cho HS khối 3,4,5) được 230 HS tham gia. Số lượng học sinh tham gia ít nhưng được đánh giá rất hiệu quả. Các em được tham gia vào các hoạt động “Tìm hiểu thân thế Chủ Tịch Hồ chí Minh và gia đình)

Học sinh tham gia dự thi tin học trẻ cấp huyện: đạt 3HS/3HS tham gia, trong đó có 2 giai nhì; 1 khuyến khích 1.

Học sinh tham gia đại sứ văn hóa đọc cấp tỉnh: 1 em.

Số học sinh đạt các sân chơi Trên internet:

 **Cấp Tỉnh: 9 em (Vàng 1; Bạc: 2, Đồng : 2)**

 **Cấp quốc gia: 23 em, (Vàng 2; bạc : 3; đồng: 12)**

**2. 2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý:**

***2. 2. 1. Kết quả đánh giá năm học 2023-2024:***

- SKKN đạt bậc cơ sở: 10 bản

- TPT Đội : Được Trung ương Đoàn tặng Bằng khen.

- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện: 02 giáo viên

- Xếp loại QL theo chuẩn: Tốt: 03

- Xếp loại GV theo CNN: Tốt: 35/43 = 81,4%; Khá: 8/43 = 18,6%;

**- Xếp loại viên chức:**

+ Quản lý: HTTNV: 02/02 = 100 %.

+ Giáo viên: HTXSNV: 9/46 ; tỷ lệ: 19. 6 %; HTTNV: 37; tỷ lệ: 75. 5%; HTNV: 03; tỷ lệ: 6. 1%

+ Nhân viên: HTXSNV:**1** ; tỷ lệ: 33. 3%; HTTNV: 02/02 = 66. 7%

- Danh hiệu thi đua: LĐTT: 46/49. = 93,9; CSTĐ: 10/46 =21,7

Giấy khen UBND Huyện: 2GV

**\* Xếp loại chung về tập thể năm học 2023-2024:**

 - Chi bộ: đạt hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

 - Trường: đạt Tập thể lao động Tiên tiến.

 - Công đoàn: đạt Vững mạnh.

 - Liên Đội: đạt thành tích Xuất sắc. Được Trung ương Đoàn tặng Bằng khen.

***2. 2. 2. Tình hình đội ngũ QL, GV, NV năm học 2024-2025:***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quản lý, giáo viên và nhân viên** | **Tổng số** | **Nữ** | **Đảng** |  | TRONG ĐÓ |  |
| Trình độ | Giáo viên giỏi GVCN giỏi các cấp | **BC** | **HĐT** | **THỈNH****GIẢNG** | **Ghi chú** |
| **Th. S** | **ĐH** | **CĐ** | **tỉnh** | huyện | trường |  |  |  |  |
| Tổng số | **52** | **47** | **35** | **1** | **42** | **7** | **2** | **45** | **3** | **51** | **1** |  |  |
| - Quản lý | 3 | 2 | 3 | 1 | 2 |  | 1 | 2 |  | 3 |  |  |  |
| - Giáo viên | **46** | **43** | **30** |  | **40** | **9** | **1** | **43** | **3** | **45** | **1** |  |  |
| *+ Văn hóa* | 35 | 34 | 25 |  | 27 | 8 |  | 34 | 2 | 34 | 01 |  |  |
| *+ Âm nhạc* | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  |
| *+ Mĩ thuật* | 2 | 1 | 1 |  | 2 |  |  | 2 |  | 2 |  |  |  |
| *+ Thể dục* | 2 | 1 | 2 |  | 1 | 1 | 1 | 1 |  | 2 |  |  |  |
| *+ Tiếng Anh* | 4 | 4 | 1 |  | 4 |  |  | 4 |  | 4 |  |  |  |
| *+ Tin học* | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  |  | 1 | 1 |  |  |  |
| *+ TPT Đội* | 1 | 1 | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 |  |  |  |
|  - Nhân viên | **3** | **2** | **2** |  | **3** |  |  |  |  | **3** |  |  |  |

**2. 3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường:**

**\* Diện tích khuôn viên:** Trường có khuôn viên riêng biệt với diện tích 9. 861 m2, thiết kế hợp lý, sân chơi, bãi tập đảm bảo diện tích để cho học sinh vui chơi và tổ chức các hoạt động giáo dục; các đường đi, lối lại được lát gạch Block chống trơn trượt, sạch sẽ, an toàn. Trường có trồng cây xanh; các bồn hoa, cây cảnh được bố trí hợp lí, đảm bảo yêu cầu về xanh - sạch -đẹp - an toàn, thân thiện, thoáng mát. Trên sân trường có các biển trang trí và các câu khẩu hiệu phù hợp với giáo dục tiểu học.

**\* Cơ sở vật chất:** Năm học 2024-2025, trường có:

**\* *Phòng học:***

- Tổng số phòng học: 35/35 lớp (100% phòng học kiên cố)

- 100% phòng học được trang bị đầy đủ ánh sáng, quạt, tủ đựng đồ dùng, bảng chống lóa, trang trí không gian lớp học theo quy định. Đảm bảo học sinh được để sách vở và ĐDDH tại lớp.

- 100% phòng học được lắp ti vi, kết nối mạng internet.

- 100% Giáo viên có máy tính phục vụ dạy học và kiểm tra trên hệ thống phần mềm trực tuyến.

- 100% học sinh có người nhà có máy tính để phục vụ học tập cho con em. Các máy tính; Diện thoại thông minh của HS đều được kết nối internet để phục vụ học tập và khảo sát bài thi trực tuyến.

**\* Bếp ăn bán trú:**

+ Phòng bếp : Được thiết kế khoa học, gồm có khu chế biến, nấu thức ăn ; phòng chia suất ăn.

+ Phòng ăn riêng cho học sinh : Có bàn ghế ăn đảm bảo cho 400 học sinh.

+ Về cơ sở vật chất phục vụ nấu ăn : Cơ bản đủ dụng cụ phục vụ cho việc nấu ăn cho học sinh.

**\* Sân chơi, bãi tập, dụng cụ TDTT, khu vệ sinh, khu để xe:**

+ Sân chơi bãi tập đảm bảo đáp ứng yêu cầu cho HS vui chơi và học tập;

+ Khu vệ sinh cơ bản đáp ứng yêu cầu của GV,HS khá sạch sẽ.

+ Khu để xe: có 2 nhà để xe của GV và HS, nhà để xe của giáo viên và học sinh hiện tại còn thiếu chỗ.

**- Nguồn nước sinh hoạt**: Sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh như nước mưa, nước máy và nước uống tinh khiết đóng bình.

**3. Đánh giá chung:**

 **a. Thuận lợi:**

***- Địa phương:*** Đảng uỷ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể, Hội CMHS đã có sự quan tâm và đầu tư hiệu quả. Phần đa phụ huynh học sinh luôn quan tâm đến công tác giáo dục, hỗ trợ và tạo điều kiện cho nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Trình độ dân trí của xã không đồng đều. Cơ bản cha mẹ học sinh luôn đồng thuận với sự nghiệp giáo dục; họ thấu hiểu, chia sẻ, tin tưởng vào các hoạt động nhà trường triển khai. Công tác vận động ủng hộ tài trợ luôn được cha mẹ học sinh quan tâm và đồng thuận. Hiện nay xã cũng như các xóm, các đơn vị trường học đều có Hội và Chi hội khuyến học. Xã Diễn Thịnh có tinh thần hiếu học. Sự nghiệp giáo dục được Đảng uỷ, chính quyền, các đoàn thể và nhân dân quan tâm.

***- Đội ngũ quản lý và giáo viên:***

CBQL năng động, linh hoạt, dám nghĩ dám làm và giám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Hiệu trưởng là cốt cán chuyên môn của Phòng GD nên sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong việc tư vấn, giúp đỡ giáo viên lựa chọn,áp dụng phương pháp dạy học tích cực nhất. Ban Giám hiệu nhà trường luôn luôn đoàn kết và đã tổ chức chỉ đạo điều hành các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả; Biết phát huy dân chủ trong mọi hoạt động nên được sự tin tưởng của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn khá đồng đều, đoàn kết, nhiệt tình trong công việc, có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề gắn bó với nhà trường, mong muốn nhà trường phát triển. Có 3 tổ trưởng chuyên môn đều đạt GVG huyện, có trình độ chuyên vững chắc, nghiệp vụ sư phạm nổi trội, là hạt nhân điển hình trong việc đổi mới và ứng dụng CNTT trong dạy học, có khả năng tổ chức và điều hành các cuộc họp tổ đạt hiệu quả cao. Giáo viên về mĩ thuật, tiếng Anh, GV dạy âm nhạc được đào tạo chính quy, thực sự có năng khiếu nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả.

***- Học sinh****:*

Số học sinh bình quân/lớp = 39,3 em. (Vượt tiêu chuẩn 35 em/ Lớp), song vẫn đảm bảo cho việc giáo viên tổ chức các hình thức dạy học linh hoạt và đảm bảo cho việc giáo viên có thể dạy đến từng học sinh. Trên 95% học sinh ngoan, tích cực học tập và rèn luyện, hăng say các hoạt động tập thể. Trên 80% số học sinh có kỹ năng sống và kỹ năng giao tiếp tốt.

***- Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị nhà trường:***

Hệ thống cơ sở vật chất được đầu tư ngày càng khang trang, hiện đại. Trường có 35 phòng học, đủ mỗi lớp 01 phòng học, đảm bảo cho việc triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với tất cả các khối lớp và dạy học 2 buổi/ngày.

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo tỷ lệ mỗi phòng học/lớp, đủ trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu hiện tại.

 Khuôn viên nhà trường rộng rãi, có hệ thống cây bóng mát nhiều nên rất thuận lợi cho học sinh vui chơi cũng như tổ chức các hoạt động tập thể.

Đã sử dụng hiệu quả trong đơn vị các nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước cấp và nguồn kịnh phí vận động tài trợ . . .

**b. Khó khăn:**

***- Cơ sở vật chất và tài chính:***

- Điều kiện kinh tế và thu nhập của nhân dân địa phương còn thấp, vì vậy việc huy động nguồn lực cho xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đạt hiệu quả mong muốn.

- Vẫn còn một bộ phận cha mẹ học sinh chưa nhận thức đầy đủ về giáo dục nên thiếu sự quan tâm và trách nhiệm đến con cái.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại chưa đồng bộ.

- Thiếu phòng học Tin, phòng chức năng, bãi tập, nhà đa năng theo quy định.

- ***Đội ngũ giáo viên, nhân viên:***

Tại thời điểm đầu năm học nhà trường còn thiếu 3 GV mới đạt tỉ lệ 1. 4. Khó khăn trong công tác xây dựng thời khóa biều và ảnh hưởng đến chất lượng dạy học.

***- Học sinh****:*

Vẫn còn 5% học sinh chưa tích cực, tự giác học tập và tham gia các hoạt động tập thể, 20% học sinh chưa còn chưa thực sự mạnh dạn trong giao tiếp, kỹ năng sống còn hạn chế. Toàn trường có đến 0. 36% (5/1378) học sinh thuộc diện học sinh khuyết tật; 1 HS nhiễm HIV; trường chưa có phòng học riêng dành cho các đối tượng học sinh này nên trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên còn gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, phụ huynh của những học sinh này thiếu quan tâm đến con em nên việc phối kết hợp để giáo dục nhằm giúp các em có được sự tiến bộ là điều rất khó.

**PHẦN III: MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**

**I. Mục tiêu chung:**

1. Chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 phù hợp, an toàn, linh hoạt để thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học. Cập nhật, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với thực tế của địa phương, đơn vị. Thực hiện phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định và phù hợp thực tiễn theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT.

2. Hoàn thiện cơ sở vật chất và mở rộng diện tích tại điểm trường chính để sáp nhập điểm lẻ Sơn Lâm theo chủ trương của UBND huyện Diễn Châu. Xây dựng kế hoạch và lộ trình để tổ chức bán trú; rà soát và mua sắm đảm bảo thiết bị dạy học theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT. Tham mưu với phòng GD và phòng nội vụ để có đủ tỷ lệ, cơ cấu giáo viên nhằm duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo Nghị định 24/2021/NĐ-CP của Chính phủ; không ngừng nâng cao năng lực quản trị nhà trường của đội ngũ cán bộ quản lý; thực hiện hiệu quả công tác đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và chuẩn hiệu trưởngvà thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định.

4. Phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

5. Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

6. Xây dựng môi trường sư phạm đoàn kết - trách nhiệm; trung thực - sáng tạo; Kỷ luật **-** Hợp tác **-** Chia sẻ; Công bằng**-** Khách quan; Tập trung vào kết quả và con ng­ười. Giữ vững Trường chuẩn Quốc gia mức độ 1, phấn đấu để Trường Tiểu học Diễn Thịnh trở thành trường chất lượng cao; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em; là nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo, vươn tới thành công và cảm nhận được thực sự là Trường học hạnh phúc.

**II. Chỉ tiêu cụ thể:**

**1. Chất lượng giáo dục:**

**1. 1. Chất lượng PCGDTH đúng độ tuổi**:

- Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 239/239 = 100%

- Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 253/257 = 98,4%.

- Đạt Tiêu chuẩn PCGDTH ĐĐT: **Mức độ: 3**

**1. 1. Đánh giá định kì về nội dung học tập các môn học/HĐGD, về sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá định kì** | **Lớp 1** | **Lớp 2** | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** | **Cộng** |
| **vào cuối năm học** | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| **I** | **Nội dung học tập các môn học/HĐGD**  |
| 1 | **Tiếng Việt** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 165 | 70 | 213 | 69 | 183 | 67 | 198 | 66 | 178 | 68 | 936 | 68 |
|   | Hoàn thành | 70 | 30 | 91 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 441 | 32 |
|   | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | **Toán** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 165 | 70 | 213 | 69 | 183 | 67 | 198 | 66 | 178 | 68 | 936 | 68 |
|   | Hoàn thành | 70 | 30 | 91 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 441 | 32 |
|   | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | **Đạo đức** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 193 | 82 | 242 | 80 | 219 | 80 | 241 | 81 | 220 | 84 | 1,121 | 81. 4 |
|   | Hoàn thành | 42 | 18 | 62 | 20 | 54 | 20 | 55 | 19 | 42 | 16 | 256 | 18. 6 |
|   | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | **Tự nhiên và Xã hội** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** |  |  |  |  | **812** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 167 | 71 | 213 | 69 | 189 | 69 |   |   |   |   | 576 | 69. 6 |
|   | Hoàn thành | 68 | 29 | 96 | 31 | 85 | 31 |   |   |   |   | 801 | 30. 4 |
|   | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |   |   |   |   | 0 | 0 |
| 5 | **Khoa học** |  |  |  |  |  |  | **296** | **100** | **262** | **100** | **558** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt |   |   |   |   |   |   | 198 | 66 | 177 | 68 | 936 | 68 |
|   | Hoàn thành |   |   |   |   |   |   | 98 | 34 | 85 | 32 | 441 | 32 |
|   | Chưa hoàn thành |   |   |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | **Lịch sử và Địa lý** |  |  |  |  |  |  | **296** | **100** | **262** | **100** | **558** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt |   |   |   |   |   |   | 198 | 66 | 177 | 68 | 936 | 68 |
|   | Hoàn thành |   |   |   |   |   |   | 98 | 34 | 85 | 32 | 441 | 32 |
|   | Chưa hoàn thành |   |   |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | **Âm nhạc** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 167 | 71 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 939 | 68. 2 |
|   | Hoàn thành | 68 | 29 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 438 | 31. 8 |
|   | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | **Mĩ thuật** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 160 | 68 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 931 | 67. 6 |
|   | Hoàn thành | 75 | 32 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 446 | 32. 4 |
|   | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9 | **HĐ trải nghiệm** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 157 | 67 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 928 | 67. 4 |
|   | Hoàn thành | 78 | 33 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 449 | 32. 6 |
|   | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | **Giáo dục thể chất** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt | 160 | 68 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 931 | 67. 6 |
|   | Hoàn thành | 75 | 32 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 446 | 32. 4 |
|   | Chưa hoàn thành |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | **0** | **0** |
| 11 | **Ngoại ngữ** |  |  |  |  | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,377** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt |   |   |   |   | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 936 | 68 |
|   | Hoàn thành |   |   |   |   | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 441 | 32 |
|   | Chưa hoàn thành |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | **Tin học** |  |  |  |  | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **831** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt |   |   |   |   | 183 | 67 | 198 | 66 | 178 | 68 | 936 | 68 |
|   | Hoàn thành |   |   |   |   | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 441 | 32 |
|   | Chưa hoàn thành |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13 | **Công nghệ** |  |  |  |  | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **831** | **100** |
|   | Hoàn thành tốt |   |   |   |   | 183 | 67 | 198 | 66 | 178 | 68 | 936 | 68 |
|   | Hoàn thành |   |   |   |   | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 441 | 32 |
|   | Chưa hoàn thành |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **II** | **Năng lực cốt lõi** |
| 1 | **Năng lực chung**  |
|  | **Tự chủ và tự học** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 157 | 67 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 928 | 67. 4 |
|  | Đạt | 78 | 33 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 449 | 32. 6 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Giao tiếp và HT** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 160 | 68 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 931 | 67. 6 |
|  | Đạt | 75 | 32 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 446 | 32. 4 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **GQVĐ và sáng tạo** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 153 | 65 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 923 | 67 |
|  | Đạt | 82 | 35 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 454 | 33 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | **Năng lực đặc thù**  |
|  | **Ngôn ngữ** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 155 | 66 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 925 | 67. 2 |
|  | Đạt | 80 | 34 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 452 | 32. 8 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tính toán** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 165 | 70 | 213 | 69 | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 936 | 68 |
|  | Đạt | 70 | 30 | 96 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 441 | 32 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Khoa học** |  |  |  |  |  |  | **296** | **100** | **262** | **100** | **558** | **100** |
|  | Tốt |   |   |   |   |   |   | 198 | 66 | 177 | 68 | 936 | 68 |
|  | Đạt |   |   |   |   |   |   | 98 | 34 | 85 | 32 | 441 | 32 |
|  | Cần cố gắng |   |   |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Công Nghệ** |  |  |  |  | **274** | **100** | **289** | **100** | **261** | **100** | **1,377** | **100** |
|  | Tốt |   |   |   |   | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 923 | 67 |
|  | Đạt |   |   |   |   | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 454 | 33 |
|  | Cần cố gắng |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tin học** |  |  |  |  | **274** | **100** | **289** | **100** | **261** | **100** | **1,377** | **100** |
|  | Tốt |   |   |   |   | 184 | 67 | 191 | 66 | 177 | 68 | 923 | 67 |
|  | Đạt |   |   |   |   | 90 | 33 | 98 | 34 | 84 | 32 | 454 | 33 |
|  | Cần cố gắng |   |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Thẩm mĩ** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 165 | 70 | 213 | 69 | 181 | 67 | 198 | 66 | 177 | 68 | 934 | 68 |
|  | Đạt | 70 | 30 | 91 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 85 | 32 | 434 | 32 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Thế chất** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 165 | 70 | 213 | 69 | 181 | 67 | 198 | 66 | 177 | 68 | 934 | 68 |
|  | Đạt | 70 | 30 | 91 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 85 | 32 | 434 | 32 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **III** | **Phẩm chất chủ yếu** |
| 1 | **Yêu nước** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | 1,370 | **100** |
|  | Tốt | 193 | 90 | 242 | 90 | 225 | 90 | 232 | 90 | 206 | 90 | 1,098 | 90 |
|  | Đạt | 42 | 10 | 62 | 10 | 48 | 10 | 64 | 10 | 56 | 10 | 272 | 10 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | **Nhân ái** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 193 | 90 | 242 | 90 | 225 | 90 | 232 | 90 | 206 | 90 | 1,098 | 90 |
|  | Đạt | 42 | 10 | 62 | 10 | 48 | 10 | 64 | 10 | 56 | 10 | 272 | 10 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | **Chăm chỉ** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 165 | 70 | 213 | 69 | 181 | 67 | 198 | 66 | 177 | 68 | 934 | 68 |
|  | Đạt | 70 | 30 | 91 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 85 | 32 | 434 | 32 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | **Trung thực** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 193 | 90 | 242 | 90 | 225 | 90 | 232 | 90 | 206 | 90 | 1,098 | 90 |
|  | Đạt | 42 | 10 | 62 | 10 | 48 | 10 | 64 | 10 | 56 | 10 | 272 | 10 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | **Trách nhiệm** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** | **1,370** | **100** |
|  | Tốt | 165 | 70 | 213 | 69 | 181 | 67 | 198 | 66 | 177 | 68 | 934 | 68 |
|  | Đạt | 70 | 30 | 91 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 85 | 32 | 434 | 32 |
|  | Cần cố gắng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**1. 3. Chất lượng giáo dục cuối năm:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Lớp 1** | **Tỷ lệ %** | **Lớp 2** | **Tỷ lệ %** | **Lớp 3** | **Tỷ lệ %** | **Lớp 4** | **Tỷ lệ %** | **Lớp 5** | **Tỷ lệ %** |
| **(235 HS)** | **(309 HS)** | **(274HS)** | **(289HS)** | **(261 HS)** |
|  1KT | 2KT |  |  |  2KT |
| **1** | **Đánh giá KQGD cuối năm** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** |
| 1. 1 | Hoàn thành xuất sắc | 87 | 37 | 108 | 35 | 99 | 36 | 98 | 34 | 89 | 34 |
| 1. 2 | Hoàn thành tốt | 71 | 30 | 102 | 33 | 90 | 33 | 100 | 32 | 86 | 33 |
| 1. 3 | Hoàn thành | 78 | 33 | 94 | 32 | 84 | 31 | 98 | 34 | 7 | 33 |
| 1. 4 | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **2** | **Danh hiệu Khen thưởng** | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** |
| 2. 1 | Học sinh **Xuất sắc** | 165 | 70 | 213 | 69 | 181 | 67 | 198 | 66 | 177 | 68 |
| 2. 2 | HS **Tiêu biểu** hoàn thành tốt trong học tập, rèn luyện | 70 | 30 | 91 | 31 | 90 | 33 | 98 | 34 | 85 | 32 |
| 2. 3 | Khen thưởng đột xuất | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2. 4 | Đề nghị cấp trên K. thưởng |   |   | 48 | 26. 8 | 16 | 9. 4 | 18 | 10 | 36 | 23. 5 |
| 2. 5 | Gửi thư khen |   |   |   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **3** | **Hoàn thành CT lớp học** |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3. 1 | Hoàn thành | **235** | **100** | **304** | **100** | **273** | **100** | **296** | **100** | **262** | **100** |
| 3. 2 | Chưa hoàn thành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**1. 4. Tham gia các cuộc thi, cuộc giao lưu**

* **Kết quả các cuộc thi, giao lưu các sân chơi:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cuộc thi, giao lưu** | **Cấp huyện**(vòng 1) | **Cấp tỉnh**(vòng 2) | **Cấp QG**(vòng 3) |
| 1 | Toán - Tiếng Việt Tuổi thơ  | 6 | 1 | 0 |
| 2 | Tiếng Anh Toefl Primary | 17 | 5 | 1 |
| 3 | Học sinh Tham gia sân chơi English Challenge 2024 | 1 | 0 | 0 |
| 4 | Trạng Nguyên Tiếng Việt | 52 | 13 | 0 |
| 5 | Đấu trường Toán học Vioedu | 48 | 14 | 0 |
| 6 | Vẽ tranh do Công ty Honda, Toyota tổ chức | 2 | 0 | 0 |
| 7 | Tham gia sân chơi “Vươn ra thế giới” | 1 | 0 | 0 |
| 8 | Tham gia cuộc thi “Bác Hồ với thiếu nhi, thiếu nhi với Bác Hồ” | 2 | 0 | 0 |
| 9 | Khác (Thi hát dân ca, kể chuyện, vẽ tranh, ATGT. . . ) | 2 | 0 | 0 |
| 10 | Sáng tạo khoa học | 1 | 0 | 0 |
| 11 | Tin học trẻ | 2 | 2 | 0 |
| 12 | IOE | 100 | 60 | 10 |
| 13 | Đại sứ Văn hóa đọc | 2 | 1 | 0 |
| 14 | Giải thưởng Mỹ Thuật Nghệ An |  | 1 |  |
| 15 | Vì Nghệ An giỏi tiếng Anh | 10 | 5 |  |
| 16 | Toán Tuổi thơ | 6 | 2 |  |

**2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:**

- SKKN đạt bậc cơ sở: 08 bản

- Giáo viên giỏi cấp huyện: 03 giáo viên

- Xếp loại QL theo chuẩn HT: Tốt: 03

**- Xếp loại GV theo CNN:** Tốt: 35/43 = 81. 4%; Khá: 9/43 = 18. 6%;

**- Xếp loại viên chức:**

+ Quản lý: HTTNV: 03/03 = 100 %.

+ Giáo viên: HTXSNV: 12/46 = 26 %; HTTNV: 34/46=74%

+ Nhân viên: HTXSNV: 1/3 = 33. 3 %; HTTNV: 02/03 = 66. 7%

**- Danh hiệu thi đua:** LĐTT: 46 người; CSTĐ: 14 người

 **3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:**

 Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học nhằm đảm bảo chất lượng dạy học và các hoạt động giáo dục. Sử dụng đúng mục đích nguồn ngân sách đầu tư cơ sở vật chất cho các trường xây dựng Chuẩn quốc gia và mua sắm thiết bị dạy học góp phần thực hiện hiệu quả chương trình GDPT 2018.

 Chỉ đạo tổ chuyên môn tham mưu đề xuất, xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học. Nhà trường tiếp tục rà soát, mua sắm thiết bị, đồ dùng đúng quy định, bảo đảm đủ thiết bị đồ dùng tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Thực hiện công khai danh mục thiết bị đồ dùng dạy học hiện có. Tăng cường công tác kiểm tra việc sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học. Thực hiện rà soát, đề xuất với UBND xã Diễn Thịnh các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học để đảm bảo CSVC cho việc thực hiện chủ rương sát nhập. Ưu tiên đầu tư, mua thiết bị dạy học cần thiết nhất để, bổ sung vào Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường theo lộ trình.

Cụ thể kế hoạch mua sắm bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học như sau:

**3.1 Từ nguồn vận động tài trợ**

| **Hạng mục** | **Công làm** | **Vật tư** | **Ước tính thành tiền** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. Về sửa chữa các phòng học: |  |  |  |
| Nền nhà bong tróc;  | 20 | Xi măng; gạch nền;  | 6.000.000 |
| Hệ thống điện các lớp:  | 10 | 100m dây 4mm x 2 lõi | 10.000.000 |
| Quạt trần các lớp khối 1; khối 3; khối 5 một số quạt tường ở các lớp 4E; 4G; 4H; 3G; 3E; 5H bị cháy;  | 15 | Dây điện, tụ 3-5♍m | 6.000.000 |
| Phòng nứt tại phòng Tin học và trần nhà hướng Bắc. (dãy nhà C) thấm dột.  | 5 | Sơn chông thấm; tôn chống dột mái | 7.000.000 |
| Lắp thêm 20 cái quạt tường cho 10 phòng. | 4 | 20 quạt treo tường | 10.000.000 |
| Sửa chửa thay thế bản lề | 5 | 34 BỘ x 200.000 | 6.800.000 |
| Sửa chữa thay thế bản lề chửa sổ nhôm kính | 1 | 1 bộ bản lề x 500.000 | 1.000.000 |
| 2. Sửa chữa bàn ghế: 12 cái bàn; 15 cái ghế HS | 3 | Đinh vít | 1.000.000 |
| 3. Màn hình ti vi các lớp:  |  | 5 cái x 3.500.000 | 17.500.000 |
| 4. Mái rèn chống mưa tạt |  | 72m2 x400.000/m2 | 28.800.000 |
| 5. Mua thêm ô lệch tâm 3mx3m và phụ kiện. |  | 2 bộ x 4.500.000 | 9.000.000 |
| 6. Hệ thống xả nước các bồn cầu của công trình vệ sinh HS. (Xiphong và dây cấp nước và công làm) |  | 20 bộ x 500.000/bộ | 10.000.000 |
| 7. Mua thêm 5 máy vi tính bổ sung cho phòng máy. |  | 5 x 9.000.000 | 45.000.000 |
| 8. Thay thế 8 bảng lớp |  |  8 x 2.500.000 | 20.000.000 |
| 10. Lắp mới màn hình LED phục vụ hoạt động ngoại khóa.  |  | 3.3.m2 x 19.000.000/m2 | 62.700.000 |
| **Tổng** |  |  | **240.800.000** |

**3.2. Từ nguồn kinh phí ngân sách cấp năm 2024, 2025**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  | **ĐVT** | **Số lượng** | **Dự toán kinh phí** | **Ghi chú** |
|  |
| 1 | Mua sắm bàn ghế cho giáo viên | Bộ | 20 | 50.000.000 |   |  |
| 2 | Thay thế quạt trần; các phòng HT; phòng hội đồng; phòng PHT | Cái | 14 | 14.000.000 |   |  |
| 3 | Thay thế hệ thống điện và bóng đèn phòng Hội đồng | Cái | 12 | 6.000.000 |   |  |
| 4 | Nâng cấp công trình vệ sinh giáo viên (Sơn sửa tường; ) | M2 | 20 | 5.000.000 |   |  |
| 5 | Mua ấn phẩm; thiết bị thư viện phục vụ dạy học | Chiếc | 1 | 40.00.000 |   |  |
| 6 | Nâng cấp hệ mạng internet tốc độ cao | Bộ | 2 | 15.000.000 |   |  |
| 7 | Sửa chữa dãy nhà hiệu bộ: Đảo ngói; thay thế một số xà… |  |  | 80.000.000 |  |  |
| 9 | Mua thùng rác | thùng | 4 | 4.000.000 |  |  |
| 10 | Binhc chữa cháy bột và CO2 | bình | 12 | 7.000.000 |  |  |
| 12 | Màn hình LED hỗ trợ hoạt động ngoại khóa | M2 | 1.7 | 32.300.000 |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  | **217.300.000** |  |  |

**3. 3. Từ nguồn thu dạy TATC, KNS:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **SL** | **Dự toán kinh phí** | **Ghi chú** |
| 1 | Mua ô che nắng sân trường |  |  | 25.000.000 |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **25.000.000** |  |

**3. 4. Từ nguồn thu trông giữ xe đạp học sinh:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **SL** | **Dự toán kinh phí** | **Ghi chú** |
| 1 | Nâng cấp mái và nền nhà xe học sinh  |  |  | 28.000.000 |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **28.000.000** |  |

**4. Công tác Kiểm định chất lượng và trường chuẩn quốc gia:**

Kiểm định chất lượng GD:Đạt mức 2

Giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1

**5. Các phong trào, các hoạt động GD khác:**

- XL trường sạch, đẹp, an toàn: Tốt

 - Xếp loại thư viện trường học, Room to Read: Tốt

 - Xếp loại về cung ứng SGK và tài liệu, đồ dùng dạy học: Tốt

 - Bảo hiểm y tế: 100%

 - Hoạt động Đội và các hoạt động khác: Xuất sắc

 - Ứng dụng Công nghệ thông tin: Tốt

 - Thực hiện chế độ báo cáo: Tốt

 **6. Đăng ký danh hiệu trường: *Tập thể Lao động tiên tiến***

**PHẦN IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HĐGD TRONG NĂM HỌC:**

**I. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn học** | **Số tiết/môn** **Lớp 1** | **Số tiết/môn****Lớp 2** | **Số tiết/môn** **Lớp 3** | **Số tiết/môn** **Lớp 4** | **Số tiết/môn** **Lớp 5** | **Ghi chú** |
| **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** | **HK1** | **HK2** | **CN** |
| **1** | **Môn học/ Hoạt động giáo dục bắt buộc** |
| 1 | Tiếng Việt | 216 | 204 | **420** | 180 | 170 | **350** | 126 | 119 | **245** | 129 | 116 | **245** | 127 | 118 | **245** |  |
| 2 | Toán | 55 | 50 | **105** | 90 | 85 | **175** | 90 | 85 | **175** | 93 | 82 | **175** | 91 | 84 | **175** |  |
| 3 | Ngoại ngữ 1 | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 72 | 68 | **140** | 72 | 68 | **140** | 74 | 66 | **140** |  |
| 4 | Đạo đức | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 17 | 18 | **35** | 19 | 16 | **35** |  |
| 5 | Tự nhiên và Xã hội | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** |  |
| 6 | Lịch sử và Địa lí | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 38 | 32 | **70** | 38 | 32 | **70** |  |
| 7 | Khoa học | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 36 | 34 | **70** | 37 | 33 | **70** |  |
| 8 | Tin học | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |  |
| 9 | Công nghệ | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 19 | 16 | **35** |  |
| 10 | Giáo dục thể chất | 38 | 32 | **70** | 37 | 33 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 38 | 32 | **70** |  |
| 11 | Âm nhạc | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |  |
| 12 | Mỹ thuật | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |  |
| 13 | Hoạt động trải nghiệm | 56 | 49 | **105** | 56 | 49 | **105** | 54 | 51 | **105** | 57 | 48 | **105** | 57 | 48 | **105** |  |
| **Tổng sô tiết môn học/ HĐ giáo dụcbắt buộc** | **455** | **420** | **875** | **453** | **422** | **875** | **504** | **476** | **980** | **550** | **500** | **1050** | **554** | **496** | **1050** |  |
| **2** | **Môn học tự chọn** |   |
| 1 | Tiếng Anh  | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** | 0 | 0 | **0** |  |
| **Tổng sô tiết tự chọn** | **18** | **17** | **35** | **18** | **17** | **35** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |  |
| **3** | **Hoạt động củng cố, tăng cường** |
| 1 | HĐ cũng cố môn Toán | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |   |   | **0** |   | **0** | **0** |   |   | **0** |   |
| 2 | HĐ cũng cố môn T Việt | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |   |   | **0** |   |   | **0** |   |   | **0** |   |
| 3 | Tiếng Anh tăng cường | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** |   |
| 4 | GD Kỹ năng sống | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |   |
| 5 | HĐ Stem | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |   |   | **0** |   |   | **0** |   |
| **Tổng sô tiết CC, tăng cường** | **108** | **102** | **210** | **108** | **102** | **210** | **72** | **68** | **140** | **54** | **51** | **105** | **54** | **51** | **105** |  |
| **Tổng số tiết/năm học** | **581** | **539** | **1120** | **579** | **541** | **1120** | **576** | **544** | **1120** | **604** | **551** | **1155** | **608** | **547** | **1155** |  |
| **Số tiết trung bình/tuần (có TC)** | **32** | **32** | **32** | **33** | **33** |  |
| **Số buổi/ Tuần** | **9 buổi/ tuần** | **9 buổi/ tuần** | **9 buổi/ tuần** | **9 buổi/ tuần** | **9 buổi/ tuần** |  |

**II. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học.**

**1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **H. thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| Tháng 9 | Chào mừng năm học mới | Khai giảng năm học | Tập trung toàn trường | Sáng thứ năm (05/9/2024) | Nguyễn Văn HảoNguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Trung thu của em | Tập trung toàn trường | Sáng thứ hai (16/9/2024) | Nguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Tháng 10 | Chăm ngoan học giỏi | - Giao lưu văn nghệ kỷ niệm ngày 20/10. | Tập trung toàn trường | Sáng Thứ năm (17/10/2024) | Múa hát sân trường toàn trường-Nguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Tháng 11 | Biết ơn thầy giáo, cô giáo | HĐTN:Tri ân thầy giáo, cô giáo | Tập trung toàn trường | Thứ tư (20/11/2024) | HS; GVCN Khối 3- Nguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Tháng 12 | Uống nước nhớ nguồn | HĐTN: Theo bước chân anh bộ đội Cụ Hồ | Tập trung toàn trường | Chiều thứ sáu (20/12/2024) | HS; GVCN Khối 4- Nguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Tháng 1,2 | Ngày Tết quê em-Mừng Đảng, mừng xuân | HĐTN: Ngày tết quê emTìm hiểu về ĐCSVN | Tập trung toàn trường | Sáng thứ 2 (20/01/2025) | HS; GVCN Khối 5- Nguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Tháng 3 | Ngày hội thiếu nhi khỏe | HĐTN: Ngày hội TN vui khỏe. SP STEM | Tập trung toàn trường | Sáng thứ hai (24/3/2025) | HS; GVCN Khối 2- Nguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Tháng 4 | Em xây dựng thói quen đọc sách | HĐTN: Ngày sách Việt Nam | Tập trung toàn trường | Sáng thứ hai (21/4/2025) | Đoàn Thị Ngọc LanNguyễn Thị Tuyết | GV và học sinh toàn trường |
| Tháng 5 | Nhớ ơn Bác Hồ | 1. Đón HSMN đến trường TH2. HSL5 TN ở trường THCS | Tập trung toàn trường | Sáng thứ 2(12/5/2023) | HS; GVCN Khối 1- Nguyễn Thị Tuyết | GV và HS toàn trường.  |

**2. Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày theo nhu cầu người học.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Hoạt động** | **Đối tượng/****quy mô** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiếng Anhtăng cường | Hoạt động phát triển năng lực môn Tiếng Anh | Học sinhlớp 1, 2,3,4,5 | Tiết cuối cácbuổi học trong tuần | Lớp học |  |
| 2 | Phát triển kĩ năng sống | Hoạt động phát triển Kĩ năng sống | Học sinhtoàn trường | Tiết cuối cácbuổi học trong tuần | Lớp học |  |
| 4 | Giáo dục STEM | Hoạt động giáo dục STEM.  | Học sinhlớp 1,2,3 | Tiết cuối cácbuổi học trong tuần | Lớp học |  |

Nội dung kế hoạch dạy học và kinh phí tổ chức thực hiện theo theo Công văn 1530/SGD&ĐT-GDCN-GDTX ngày 05/8/2021 về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo và Chương trình tăng cường tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nghệ An; Công văn 2288/ SGD&ĐT-GDCN-GDTX ngày 25/8/2023 về việc hướng dẫn bổ sung việc thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo và Chương trình tăng cường tiếng Anh từ năm học 2023-2024; Thông tư 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa; Công văn số 2528/SGD&ĐT-CTTTGDTX ngày 15/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc hướng dẫnliên kết tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong các cơ sở giáo dục; Nghị quyết số 31/2020/ NQ-HĐND ngày 13 tháng 2 năm 2020 của HĐND tỉnh Nghệ An về quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động GD của nhà trường đối với cơ sở GD công lập.

**3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục:**

Bố trí thời khóa biểu phù hợp để học sinh tham gia học tập đầy đủ, đảm bảo mọi quyền lợi.

Ban giám hiệu phân lịch trực thường xuyên, Ban giám hiệu tham gia chào cờ đầu tuần và các HĐTN đầy đủ.

**4. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục** (*có trong* *Phụ lục 1. 4 –đã được đóng tệp bản cứng và lưu bản mềm ở máy vi tính của BGH và giáo viên để thực hiện và chỉ đạo thực hiện theo đúng kế hoạch)*.

**PHẦN V. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**I. Truyền thông về giáo dục :**

Xây dựng kế hoạch truyền thông về chuyển đổi số, đổi mới chương trình, sách giáo khoa, truyền thông đối với cha mẹ trẻ trong việc phối hợp thực hiện giáo dục học sinh,… Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông giáo dục.

**II. Phát triển đội ngũ nhà giáo**

**1. Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ nhà giáo, CBQL:**

**1. 1. Nâng cao năng lực đội ngũ GV và cán bộ quản lý:**

Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục;

Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các chính sách về giáo dục, công tác quản lý hoạt động giáo dục, thực hiện chương trình, lựa chọn sách giáo khoa, quản lý dạy học tăng cường, ngoài giờ chính khóa.

Kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán trong nhà trường,

Xây dựng Kế hoạch và tổ chức hội thảo, tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên

Bồi dưỡng đội tuyển giáo viên tham gia hiệu quả Hội thi GV dạy giỏi huyện cấp Tiểu học chu kỳ 2024-2026.

***1. 2. Bồi dưỡng thường xuyên:***

Chỉ đạo 100% GV đăng ký tham gia học bồi dưỡng thuyên xuyên ND1, ND2, ND3 và các module.

Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên gồm 03 nội dung: Yêu cầu tổng số tiết BDTX của mỗi CBQL, GV phải đảm bảo 120 tiết/ năm theo quy định.

**- Cán bộ quản lý:**

- Modun 13: Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.

- Modun 18: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nhà trường.

***\* Giáo viên:***

- Modun 10: Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục phổ thông

- Modun 15: Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Tham gia BDTX, tự học đạt kết quả 100%

**\* Hình thức thực hiện**:Thực hiện 3 hình thức: Tự học, học tập trung, học tập từ, trực tuyến kết hợp với sinh hoạt chuyên đề, dạy thể nghiệm tại trường, liên trường.

**\* Kế hoạch thực hiện:**

- Từ 20/8/2024 - 30/10/2024: Học nội dung I:

- Từ 01/11/2024 - 30/12/2024: Học nội dung II:

- Từ 02/01/2025 - 30/3/2025 học các module còn lại và viết bài thu hoạch nội dung III.

- Tháng 4/2025: Tổng kết, đánh giá công tác BDTX.

**\* Bộ tiêu chí đánh giá công tác TDTX:**

+ Tiêu chí 1: Tiếp thu nhiệm vụ năm học, nội dung chương trình giáo dục 2018, nội dung địa phương, tham gia sinh hoạt nhóm chuyên môn liên trường có chất lượng, đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn; Tiếp thu kiến thức, kĩ năng, mục tiêu, nội dung của các mo đun trong chương trình BDTX (5 điểm)

+ Tiêu chí 2: Vận dụng kiến thức, ND BDTX vào hoạt động nghề nghiệp thông qua các hoạt động dạy học và giáo dục (5 điểm)

**- Điểm trung bình BDTX** = (ND 1 + ND 2 + ND 3) : 3 (Điểm TB làm tròn)

**\* Đánh giá công tác BDTX:**

a. Đánh giá việc vận dụng kiến thức BDTX vào thực tiễn dạy học, giáo dục đảm bảo đáp ứng yêu cầu về mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung Chương trình BDTX.

b. Bài kiểm tra lý thuyết, thực hành chấm theo thang điểm 10 và đạt yêu cầu khi đạt điểm từ 05 trở lên.

c. Xếp loại kết quả:

- Hoàn thành kế hoạch BDTX: Giáo viên, cán bộ quản lý được xếp loại hoàn thành kế hoạch BDTX khi thực hiện đầy đủ các quy định của khóa bồi dưỡng; hoàn thành đủ các bài kiểm tra với kết quả đạt yêu cầu trở lên.

- Không hoàn thành kế hoạch BDTX: Giáo viên, cán bộ quản lý không đáp ứng được các yêu cầu tại điểm a.

***1. 3. Triển khai giáo dục STEM***

Tổ chức xây dựng kế hoạch, thực hiện giáo dục STEM phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương Diễn Thịnh; chỉ đạo các khối tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học môn học/HĐGD lồng ghép địa chỉ các bài học STEM (mỗi khối ít nhất 8 bài học) và triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch. Ngoài tổ chức bài học STEM, khuyến khích các lớp đủ điều kiện triển khai, thực hiện hoạt động trải nghiệm STEM, làm quen với nghiên cứu khoa học, kỹ thuật

Trong quá trình triển khai thực hiện, hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website https://stemtieuhoc. edu. vn và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định.

***1. 4. Tăng cường chuyển đổi số và giáo dục kĩ năng công dân số***

*a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo*

*b) Triển khai giảng dạy nội dung Giáo dục kĩ năng công dân số*

*c) Triển khai Học bạ số*

Thực hiện triển khai Học bạ số từ năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo.

**2. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ, Tin học theo CTGDPT cấp tiểu học**

*a) Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1*

*Đối với lớp 3, 4, 5:* 4 tiết/ tuần.

Khuyến khích các lớp thực hiện xã hội hóa theo tinh thần tự nguyện trong dạy học Tiếng Anh tăng cường do Trung tâm đủ điều kiện tham gia liên liên kết và các hoạt động tăng cường tiếng Anh thông qua sinh hoạt câu lạc bộ.

*b) Tổ chức dạy học môn Tin học*

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho tất cả học sinh lớp 3, 4, 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông;

Học sinh lớp 1, lớp 2 thực hiện “*hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số*” đồng thời làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3, 4, 5.

Tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

**3. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong CTGDPT.**

Nội dung Giáo dục địa phương thực hiện theo hướng tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động trải nghiệm đảm bảo tính thực tiễn, khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ học sinh.

Sử dụng tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Nghệ An đối với lớp 1, 2, 3, 4 đã được Bộ GD&ĐT thẩm định, phê duyệt. Riêng lớp 5, thực hiện theo Công văn số 200/PGDĐT ngày 31/7/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai nội dung giáo dục địa phương năm học 2024-2025.

**4*.* Đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học.**

Nhà trường chủ động, linh hoạt lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các môn học/HĐGD nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiếp tục chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

Tiếp tục thực hiện giai đoạn mở rộng dự án *Học thông qua chơi* vào các hoạt động học của học sinh. Thực hiện các nhiệm vụ *chuyển đổi số* trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục.

Lựa chọn các chuyên đề thiết thực về ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác học liệu điện tử, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT…Tích cực đổi mới sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn, trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

**5. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học**

- Tiếp tục tổ chức hiệu quả SHCM .

- Đưa sinh hoạt chuyên môn trở thành hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

- Các tổ, khối chuyên môn phân công nhiệm vụ các thành viên trong tổ hợp lý nhằm phát huy tối đa sức cống hiến của từng thành viên trong nhà trường.

- Dự giờ, thăm lớp.

- Tăng cường tổ chức các chuyên đề về dạy - học các môn học để rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện Chuẩn kiến thức, kĩ năng các môn học.

- Sinh hoạt chuyên đề CTGDPT 2018 ;

- Chuyên đề PP dạy học dự án: Mỗi tổ ít nhất 1 chuyên đề PPDHDA;

- Chuyên đề học thông qua chơi: Mỗi khối ít nhất 2 chuyên đề HTQC;

- Chuyên đề bài học STEM: Mỗi tổ ít nhất 2 chuyên đề.

- Chuyên đề sử dụng tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Nghệ An

Động viên giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn qua mạng thông tin trực tuyến, từ 1 đến 2 lần/năm.

**III. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh:**

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục đổi mới kiểm tra theo dịnh hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua hoạt động trên lớp, đánh giá bằng hồ sơ học tập, vở học tập, đánh giá qua quan sát, việc hỏi đáp và viết.

Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề KT theo ma trận, đề bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận/ trắc nghiệm) theo 3 mức độ nhận thức theo TT27.

Thực hiện nghiêm túc việc bàn giao chất lượng giáo dục giữa các khối lớp như chuẩn đầu ra của kế hoạch Đảm bảo chất lượng. Riêng đối với lớp 5 thực hiện xét HTCT tiểu học một cách nghiêm túc, phối hợp cấp THCS tổ chức lễ bàn giao học sinh theo đúng hướng dẫn của Phòng GD-ĐT, trang trọng tạo động lực cho học sinh chuẩn bị tâm lý chuyển tiếp sang cấp học mới.

**IV. Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ, … đáp ứng nhu cầu, sở thích.**

**1. Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học.**

Lập danh sách học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học. Trên cơ sở đó, đồng chí Trần Thị Lương - Phó Hiệu trưởng phân công giáo viên phụ đạo học sinh nhận thức chậm.

Chuyên môn chỉ đạo GV tổ chức phụ đạoh học sinh chưa đạt chuẩn bằng các hình thức linh hoạt; phù hợp với điều kiện của HS và GV.

**2. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, các cuộc giao lưu, các sân chơi trí tuệ, … đáp ứng nhu cầu, sở thích:**

Nhà trường chủ động huy động nguồn lực tại chỗ để bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ngoại ngữ, bồi dưỡng các kĩ năng mềm cho học sinh theo nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh.

Khuyến khích học sinh tự nguyện tham gia các sân chơi trên internet; các sân chơi do cấp trên tổ chức…

**V.**  **Thực hiện GD đối với HS khuyết tật hòa nhập, HS có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách:**

**1. Đối với trẻ khuyết tật hòa nhập:**

Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật.

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu, khả năng của học sinh khuyết tật, các khối lớp chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập phù hợp, thiết thực để các em được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

**2. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, con gia đình chính sách:**

- Thực hiện đảm bảo chế độ hỗ trợ học phí theo quy định kịp thời cho các đối tượng học sinh thuộc diện hộ nghèo, con thương binh, …

- Tổ chức tốt các phong trào “Tết yêu thương”, “đàn gà khăn quàng đỏ”, chương trình học bổng “Thắp sáng ước mơ”… để động viên, khích lệ học sinh vươn lên trong học tập

**VI. Công tác tài chính:**

Để đảm bảo kinh phí tổ chức thực hiện, mỗi hoạt động, căn cứ công văn hướng dẫn của các cấp và quy định của tài chính, nhà trường xác định và xây dựng kế hoạch thu-chi cụ thể, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và công khai trong HĐSP đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính. Trong đó gồm các nguồn: ngân sách nhà nước cấp thường xuyên, sự thỏa thuận đóng góp của phụ huynh và các nguồn thu hợp pháp khác. Việc thu- chi được thực hiện đúng quy định tài chính, đảm bảo công khai, minh bạch.

**VII. Công tác KĐCL và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:**

**1. Công tác KĐCL:**

- Thành lập hội đồng kiểm định và họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng.

- Chỉ đạo các nhóm tiến hành tiếp tục thu thập minh chứng, viết kế hoạch cải tiến chất lượng và báo cáo tự đánh giá theo Thông tư 17/2018/TT-BGD&ĐT.

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá gửi về Phòng trong tháng 5/2025.

**2. Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia:**

- Thành lập ban chỉ đạo xây dựng trường chuẩn Quốc gia.

- Tiến hành rà soát các tiêu chí theo tiêu chuẩn của thông tư 17/2018/TT- thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT để ttiếp tục tham mưu địa phương mở rộng 50 mét chiều rộng của trường về phía Đông để đủ 11000 m2. Tăng cường, tu bổ CSVC đảm bảo CSVC của trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Từng bước đảm bảo các tiêu chí trường chuẩn quốc gia mức đội 2.

**VIII. Công tác kiểm tra nội bộ trường học**

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT Nghệ An, Phòng GD&ĐT Diễn Châu về công tác thanh tra, kiểm tra trong trường học; nhà trường xác định công tác kiểm tra nội bộ như sau:

*Phân công nhiệm vụ:*

- Giáo viên trực và Tổng phụ trách đội theo dõi, kiểm tra và ghi chép vào sổ sách *(Có mẫu sổ và quy định nhiệm vụ, biểu điểm chấm cho trực tuần và đội).*dưới dạng nhật ký và có sự tổng hợp, nhận xét, đánh giá, xếp loại, rút kinh nghiệm và xếp loại thi đua công bố vào cuối mỗi tuần.

- Phó hiệu trưởng làm nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra tất cả GV, NV và học sinh và cuối tuần có báo cáo tổng hợp đánh giá và xếp loại riêng.

 ***Kiểm tra đột xuất***:

Khi có yêu của cấp trên hoặc do yêu cầu cần thiết phục vụ cho công tác quản lý hay do tình hình cụ thể, Hiệu trưởng có quyền thực hiện việc kiểm tra đột xuất đối với một số hoạt động. Cụ thể như sau :

- Kiểm tra việc soạn bài của giáo viên trước lúc lên lớp

- Dự giờ đột xuất của giáo viên

- Kiểm tra đột xuất nội dung phản ánh của công dân liên quan đến nhà trường (cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh), …

***Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch*:**

Thực hiện đối với các hoạt động có nội dung, quy mô lớn, được các cấp quy định bằng văn bản. Cụ thể như sau :

- Các họat động của nhà trường

- Việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 (trong đó chú trọng việc đảm bảo và sử dụng TBDH tối thiểu theo CTGDPT 2018 ; lựa chọn, mua sắm, sử dụng SGK,…)

- Hoạt động của tổ chuyên môn và các bộ phận khác

- Việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên, nền nếp tổ chức dạy học

- Hoạt động học tập và rèn luyện của học sinh.

Chỉ tiêu : Mỗi tháng thực hiện kiểm tra 1-2 chuyên đề

 Thông qua kiểm tra, đánh giá đúng thực chất các hoạt động của nhà trường và năng lực của đội ngũ cán bộ, giáo viên. Sau kiểm tra tư vấn, uốn nắn, bổ sung kịp thời những sai sót hạn chế, đồng thời kiến nghị với các cấp quản lý điều chỉnh, bổ sung các chính sách quy định về điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục. Thông qua kiểm tra phát hiện, biểu dương và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

**IX. Công tác thư viện và phát triển văn hóa đọc**

 **1. Xây dựng CSVC thư viện, bổ sung sách-tài liệu tham khảo:**

Trường bố trí 01 phòng kho sách có đầy đủ các tủ đựng sách,

01 phòng thư viện Room to Read.

01 phòng đọc cho học sinh, có các tủ sách mini tại các dãy phòng học để phục vụ nhu cầu mượn và đọc sách của GV-HS.

Tổ chức tốt lịch “Tiết đọc thư viện” cho các lớp.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra hoạt động thư viện theo công văn số 1112/SGD&ĐT ngày 28/6/2019 về hướng dẫn công tác kiểm tra thư viện trường học.

**2. Xây dựng văn hóa đọc:**

 Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc.

**X. Công tác phổ cập**

*\* Công tác chỉ đạo:*

- Kiện toàn bộ máy thực hiện phổ cập giáo dục Tiểu học: Trên cơ sở Quyết định thành lập Ban chỉ đạo phổ cập của xã, Trường Tiểu học Diễn Thịnh thành lập Ban thực hiện PCGDTH ĐĐT của trường.

**\* Biện pháp:**

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

- Đối chiếu kết quả điều tra của từng xóm với số liệu học sinh thực tế trong trường để tổng hợp, xử lí, chính xác hoá số liệu.

- Quản lí công tác phổ cập bằng phần mềm. Phối hợp với THCS, Mầm non dùng chung phần mềm và dữ liệu quản lí PC trên địa bàn.

- Theo dõi diễn biến thường xuyên, bổ sung và xử lí số liệu kịp thời.

- Kết hợp với địa phương (ĐTN, HPN,…), CMHS để phối hợp quản lí HS.

**XI. Các hoạt động GD khác:**

**1. Công tác y tế trường học**

- Nhà trường có phòng y tế riêng, bảo đảm diện tích, thuận tiện công tác sơcấp cứu và chăm sóc sức khỏe học sinh. Cán bộ y tế nhà trường tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn và phổ biến văn bản quy định, quy chế trong công tácchăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh.

Lập và ghi chép vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay.

**2. Lao động, vệ sinh; xây dựng cảnh quan môi trường**

Thực hiện tốt vệ sinh, trực nhật trong các lớp học. Làm vệ sinh toàn bộ khuôn viên trường và trước cổng trường.

Tổ chức sắp xếp trang trí trong lớp học sao cho khoa học, thẩm mĩ, trang trí những cây xanh trong lớp từ bàn ngồi của giáo viên, trên tường.

Giáo dục học sinh có ý thức giữ gìn vệ sinh cơ sở vật chất, cảnh quan sạch đẹp ở trường.

Tập thói quen ăn uống ở nhà, tắm rửa sạch sẽ trước khi đi học. Khi đến trường không ăn quà bánh. Sách vở đồ dùng học tập luôn luôn giữ gìn sạch sẽ và để đúng nơi.

***\* Phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực***

**- Đối với học sinh:** Các em phải có ý thức và hành động tự giác giữ gìn môi trường XSĐ&AT ngay từ ngày đầu tiên bước chân đến trường và thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi.

**- Đối với giáo viên:**

Tùy theo đối tượng học sinh từng lớp, giáo viên giúp học sinh hiểu rõ một số yêu cầu về xây dựng và giữ gìn trường học XSĐ&AT;

**- Đối với cán bộ quản lý nhà trường:**

Triển khai cụ thể đến từng giáo viên nội dung yêu cầu, tiêu chí trường học XSĐ&AT; cuối năm học tự đánh giá theo kế hoạch của trường đã đề ra.

**3. Công tác tâm lý học đường và công tác xã hội**

**3.1. Công tác tâm lý học đường**

Nhà trường thành lập Tổ tư vấn, hỗ trợ học sinh.

Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và phân công giáo viên tổng phụ trách làm thường trực tư vấn tâm lý cho học sinh tại phòng tham vấn.

\* Toàn thể Cán bộ, giáo viên, nhân viên có trách nhiệm trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục có liên quan đến công tác tư vấn tâm lý, đảm bảo công tác phối hợp trong thực hiện kế hoạch. Thường xuyên trao đổi thông tin về học sinh để phát hiện và có biện pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp đối với những biểu hiện bất thường của học sinh.

**3.2. Công tác xã hội trường học:**

- Nâng cao kiến thức và kỹ năng để người học tự giải quyết các khó khăn, căng thẳng, khủng hoảng tạm thời về tâm lý, phát huy tiềm năng, năng lực học tập của bản thân. Bảo vệ người học trước nguy cơ bị xâm hại, bị bạo lực, phòng tránh các tệ nạn xã hội, hạn chế tình trạng người học bỏ học, vi phạm pháp luật.

 - Chủ động xây dựng phong trào kết nghĩa giữa trường học với cơ quan, doanh nghiệp tại địa phương, huy động nguồn lực để hỗ trợ người học có hoàn cảnh đặc biệt, hỗ trợ giáo viên trong các hoạt động công tác xã hội tại cơ sở giáo dục.

**4.**  **Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

**a.**  **Công tác phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ:**

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức của công chức, viên chức và người lao động về PCCC&CNCH. Qua đó, nêu cao ý thức trách nhiệm, đổi mới tư duy về nhận thức và hành động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phong trào PCCC&CNCH tại cơ quan, đơn vị, trường học.

**b. Phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước**

 Ban Giám hiệu trường căn cứ kế hoạch của địa phương, hằng năm tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương lập và triển khai kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích của nhà trường.

 GVCN, GVTPT Đội triển khai và tuyên truyền giáo dục cho học sinh những kiến thức cơ bản về các yếu tố nguy cơ về cách phòng chống tai nạn thương tích.

**c. Công tác phòng chống xâm hại, bạo lực học đường**

Tuyên truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CB, GVNV và CMHS nhất là trách nhiệm của Hiệu trưởng trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chinh sách, pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em; quan tâm chỉ đạo xây dựng môi trường học đường đảm bảo cho trẻ được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực, xâm hại trẻ em.

**5. Công tác dân chủ cơ sở và công tác công khai**

**a. Công tác dân chủ cơ sở:**

Căn cứ vào Luật 10/2022/QH15 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Quôc hội; thông tư Số: 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

**b. Công tác công khai theo TT09/2024**

- Thực hiện tốt công tác công khai Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT (thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017)

- Minh bạch các thông tin có liên quan của nhà trường để cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của cơ sở giáo dục.

**6. Công tác phòng chống tham nhũng:**

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phòng, chống tham nhũng và triển khai có hiệu quả kế hoạch phòng, chống tham nhũng, thường xuyên làm tốt công tác quán triệt, phổ biến nội dung phòng, chống tham nhũng đến các cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh, học sinh trong đơn vị.

**7. Công tác dân vận chính quyền:**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về quan điểm, vai trò và tầm quan trọng của công tác dân vận

- Nêu cao vai trò, trách nhiệm của người đứng dầu, của cán bộ viên chức trong công tác dân vận

- Tăng cường công tác dân vận trên lĩnh vực cải cách hành chính, nâng cao năng lực quản lý Nhà nước và phục vụ nhân dân:

- Tăng cường công tác dân vận gắn với việc quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; nâng cao năng lực chuyên môn và thực hiện đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước

**8. Công tác tổ chức bán trú**

- Tổ chức cho cán bộ giáo viên- nhân viên chăm sóc học sinh tập huấn và làm bài kiểm tra về kiến thức Vệ sinh an toàn thực phẩm (đã thực hiện 24/8/2022), đảm bảo 100% CBGV-NV tham gia chăm sóc học sinh bán trú nắm chắc các kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Giáo viên , nhân viên tham gia công tác bán trú của nhà trường và nhân viên nấu ăn, phục vụ đảm bảo khám sức khỏe đầy đủ theo đúng quy định.

- Ban giám hiệu giám sát việc thực hiện quy định vệ sinh ATTP của đội ngũ nhân viên bếp qua hệ thống camera và kiểm tra trực tiếp tại bếp. Hàng ngày đều có nhận xét về việc chế biến thức ăn đối với bếp trưởng qua sổ nhận xét góp ý để rút kinh nghiệm kịp thời.

**9. Công tác cải cách hành chính:**

Xây dựng nội quy, quy chế của cơ quan, thực hiện giảm hội họp, giảm văn bản, giấy tờ hành chính. Tăng cường trách nhiệm của cá nhân trong giải quyết công việc.  Tiếp tục đẩy mạnh tin học hóa trong quản lý, điều hành đơn vị thông qua hệthống thư điện tử, văn bản điện tử trong nhà trường. Khai thác sử dụng có hiệu quả hộp thư điện tử của trường.

Các tổ chức và đoàn thể trong nhà trường căn cứ kế hoạch cải cách hành chínhcủa nhà trường để triển khai thực hiện đạt kết quả tốt.

**PHẦN VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**I, Công tác quản lý, chỉ đạo và phân công thực hiện nhiệm vụ:**

**1. Công tác quản lý chỉ đạo:**

**a. Đối với Hiệu trưởng**

- Xác định sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường phục vụ cho việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển nhà trường toàn diện và phù hợp;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đầy đủ kế hoạch năm học.

-Thành lâp, kiện toàn và quản lí bộ máy tổ chức của nhà trường;

- Sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá xếp loại, khen thưởng kỉ luật, thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định;

- Tổ chức các hoạt động, các phong trào thi đua xây dựng, phát triển và nâng cao năng lực, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ.

- Tổ chức tuyển sinh, huy động trẻ em trong độ tuổi trên địa bàn đi học; có biện pháp để học sinh không bỏ học;

- Quản lí và theo dõi học sinh trong và ngoài nhà trường theo quy định;

- Thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, chế độ chính sách, quyền và lợi ích chính đáng của học sinh.

*-*Triển khai các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, nhiệm vụ năm học, nội dung, chương trình dạy học và chuẩn kiến thức, kĩ năng;

- Tổ chức thực hiện việc đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục;

- Tổ chức và quản lý quá trình đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh. Cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH cho học sinh cuối cấp.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra các hoạt động sư phạm của giáo viên;

- Thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường;

- Tiếp nhận và giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo.

-Tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương các vấn đề liên quan đến phát triển nhà trường và giáo dục học sinh;

- Huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động của nhà trường.

- Phối hợp với ban đại diện và cha mẹ học sinh trong việc giáo dục toàn diện học sinh; tổ chức cho giáo viên và học sinh tham gia các hoạt động của địa phương.

*-*Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định về quản lí tài chính, tài sản của nhà trường; tổ chức thực hiện việc chi trả lương, chế độ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Huy động và sử dụng các nguồn tài chính, tài sản phục vụ cho các hoạt động của nhà trường hợp pháp và đúng quy định;

- Quản lí, sử dụng và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc, hệ thông thông tin, dữ liệu của nhà trường;

- Quản lí và sử dụng các hồ sơ, sổ sách của nhà trường; xử lí văn bản đi, đến; quản lí ngày công của cán bộ, giáo viên, nhân viên;

-Thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

- Họp chi bộ, họp chi ủy định kỳ hàng tháng.

- Họp kiểm điểm Đảng viên cuối năm.

- Học tập chính tri thời sự, nghị quyết.

- Dự họp giao ban định kỳ do đảng bộ tổ chức.

- Dự nghe thời sự, học tập nghị quyết.

**b. Đối với Phó Hiệu trưởng. Trấn Thị Lương**

-Lập kế hoạch chỉ đạo chuyên môn năm học.

-Tổ chức chỉ đạo hoạt động dạy- học, đánh giá, báo cáo tổng hợp về các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình 2018 (khối 1,2,3,4,5)

-Tổ chức dự giờ thăm lớp, kiểm tra đánh giá hoạt động giáo viên, chủ trì về tổ chức họp chuyên môn và hội thảo về chuyên môn.

-Lên kế hoạch,tham mưu HT qui chế chuyên môn, quy chế thi đua.

-Ký duyệt các loại hồ sơ chuyên môn Tổ 1,2 3; hồ sơ Đội TNTPHCM.

 -Tổ chức, chỉ đạo, lập kế hoạch ra đề khảo sát KTĐK và học sinh tham gia các cuộc thi trực tuyến. Duyệt Đề KTĐK khối 1,2,3.

-Tổ chức, chỉ đạo hoạt động KĐCL-

-Lập danh sách giáo viên tham dự tập huấn, dạy thực tập chương trình thay sách lớp 5 (năm học 2024-2025)

- QL phần mềm Quản lý HS: VNEDU về phân công giáo viên; Phần mềm TKB

- CSDL Ngành về phân công giáo viên (https://csdl. moet. gov. vn/)

- Phối hợp với GV và đ/c Lê PHT, Phát hiện thành lập đội tuyển, Tổ chức thi học sinh năng khiếu; tổ chức các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ, hoạt động tập thể của học sinh.

- Quản lý Hồ sơ GV.

- Hồ sơ chuyên môn (Chỉ đạo chuyên môn, các cuộc thi liên quan đến GV)

- Dự giờ thăm lớp.

- Quản lý, đánh giá các hoạt động chuyên môn của GV.

- Chịu trách nhiệm lập danh sách, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo, trình đề nghị các phiếu chi về hoạt động dạy học và giáo dục của GV.

**c. Đối với Phó Hiệu trưởng. Nguyễn Thị Lê**

- Quản lý công tác phổ cập, CMC.

- Quản lý hoạt động bán trú.

- Quản lý CSVC, TV-TB nhà trường.

- Quản lý công tác y tế trường học, lao động vệ sinh.

- Đánh giá chất lượng học sinh theo các biểu mẫu trên phần mềm VNEDU, CSDL Ngành (https://csdl. moet. gov. vn/)

-Tổ chức, chỉ đạo, lập kế hoạch học sinh tham gia các cuộc thi trực tuyến và trực tiếp. Duyệt Đề KTĐK khối 4,5.

-Phối hợp cùng với đ/c Lương lập kế hoạch chỉ đạo chuyên môn năm học, qui chế chuyên môn, thi đua.

- Duyệt kế hoạch tổ 4,5 hàng tháng.

- Tổ chức dự giờ thăm lớp, kiểm tra đánh giá sản phẩm của HS, tham gia phối hợp với đ/c Lương về tổ chức họp chuyên môn và hội thảo về chuyên môn.

- Tham gia hội đồng tự đánh giá; Nghiên cứu sâu, hướng dẫn thành viên hoàn thiện tiêu chuẩn 2, 3.

- Kiểm tra và duyệt kế hoạch dạy học 2 buổi/ ngày; GDKNS; Đánh giá hoạt động dạy học Tiếng Anh tăng cường.

- Lên lịch lao động,

- Kiểm tra tu sửa CSVC.

- Kiểm kê, kiểm tra bảo quản CSVC.

- Tham mưu với Hiệu trưởng dự trù, đề nghị mua sắm, sửa chữa CSVC.

* Phần mềm phổ cập: http://pcgd. moet. gov. vn
* Phần mềm CBQL&GV: [http://esqm. nghean. edu. vn](http://esqm.nghean.edu.vn)
* Phần mềm VNEDU; CSDLN thuộc mảng học sinh.

- Phát hiện thành lập đội tuyển, Phân công bồi dưỡng HS, Duyệt kế hoạch bồi dưỡng; Kiểm tra việc bồi dưỡng; Tổ chức thi học sinh năng khiếu; tổ chức các câu lạc bộ, sân chơi trí tuệ trực tuyến.

- Tổ chức, chỉ đạo, lập kế hoạch đội tuyển tham gia HKPĐ học sinh và GV.

- Kiểm tra hồ sơ giáo viên đối với GV khối 4,5.

- Phối hợp với đ/c Trần Thị Lương, trực tiếp Quản lý hồ sơ GV.

- Dự giờ thăm lớp

- Kiểm tra và duyệt kế hoạch dạy học tăng cường.

- Theo dõi chất lượng các lớp.

**2. Phân công thực hiện nhiệm vụ:**

**2. 1. Đối với khối tổ chuyên môn:**

***a. Đối với khối, tổ chuyên môn:***

**\* Tổ 1 và tổ 2-3:**

- Tổ chức xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch bài học theo chương trình GDPT năm 2018 đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Sinh hoạt chuyên đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Đặc biệt chú ý đến nội dung phương pháp lên lớp với vai trò Thầy hướng dẫn trò nghiên cứu bài học.

- Trao đổi trực tiếp giữa các thành viên trong khối với ban giám hiệu và hội đồng Cốt cán chuyên môn trường (Cụm trường) để thống nhất những nội dung khó, nội dung cần điều chỉnh. Trên cơ sở Tổ trưởng Quyết định các nội dung điều chỉnh, báo lại ban giám hiệu để giám sát.

**\* Tổ 4-5:**

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm.

- Tăng cường sinh hoạt tổ (nhóm) chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài họcvà tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

- Tăng cường hoạt động dự giờ thăm lớp trong năm học 2024-2025; đảm bảo nề nếp, chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Phó HT, tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn kiểm tra kế hoạch tổ/nhóm chuyên môn và kế hoạch dạy học của giáo viên phải có nhận xét đầy đủ, chịu trách nhiệm về nội dung mình kiểm tra.

- Thực hiện nghiêm túc việc phân tích giờ dạy khi dự giờ sau mỗi tiết học nhưng tập trung đối tượng chính là học sinh, xem xét sau giờ học, học sinh hoạt động như thế nào? Tiếp thu và vận dụng bài học như thế nào? tiết học đã thể hiện giáo dục năng lực và phẩm chất nào cho học sinh?... không đơn thuần tập trung phân tích, đánh giá giáo viên. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học về dạy học theo hướng nghiên cứu bài học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

- Hàng tháng họp thống nhất các nội dung chuyên môn với các tổ. Duyệt tất các các hoạt động tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, các cuộc Hội thảo, chuyên đề cấp trường, cấp tổ tổ chức trong năm học.

**2. 2. Đối với giáo viên:**

***a. Nhiệm vụ chung***

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình GDPT mới. Giáo viên chủ động tìm hiểu để nắm chắc nội dung chương trình và các văn bản chỉ đạo của các cấp về thực hiện chương trình GDPT năm 2018.

- Tích cực tự trau rồi chuyên môn, nghiệp vụ. Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức. Sẵn sàng đề xuất những nội dung càn thiết, liên quan đến việc tố chức dạy học và các hoạt động khác với nhà trường để mang lại hiệu quả tốt nhất cho đơn vị.

***b. Giáo viên chủ nhiệm lớp:***

- Làm tốt công tác chủ nhiệm lớp của được phân công như: xây dựng và thực hiện tốt nềnếp học tập và các hoạt động khác, chú trọng công tác rèn ý thức tự giác, nề nếp tự quản của học sinh.

- Làm tốt công tác phối hợp với cha mẹ học sinh, các tổ chức đòn thể trong và ngoài trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đặc biệt là hoạt động trải nghiệm thực tế trong năm học.

**2. 3. Đối với Tổng phụ trách Đội**

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên theo quy định tại Điều lệ trường học hiện hành.

2. Tham mưu cho hiệu trưởng các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong phạm vi nhà trường.

3. Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý các chương trình hoạt động cho đội viên, học sinh trong nhà trường theo kế hoạch của ngành Giáo dục, chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội các cấp.

4. Xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở Đội trong nhà trường theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; bồi dưỡng đội ngũ phụ trách chi đội, ban chỉ huy Đội các cấp.

5. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi, hoạt động giáo dục trong nhà trường.

6. Học tập, rèn luyện và tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, công tác Đội và phong trào thiếu nhi do ngành Giáo dục, Hội đồng Đội các cấptổchức để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ.

7. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện các hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi, các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địaphương.

8. -Thực hiện các công việc lãnh đạo giao. .

**2. 4. Đối với nhân viên:**

***\* Nhân viên phụ trách thư viện, văn thư: Đoàn Thị Ngọc Lan***

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị. Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch Tổ chức Ngày hội đọc sách. (về thời điểm? về cách tổ chức? Thành phần cần phối hợp để tổ chức…) để đảm hiệu quả hoạt động.

***\* Nhân viên kế toán: Phan Huy Thư***

Phụ trách công tác kế toán của nhà trường: Thực hiện dự toán, thanh quyết toán kinh phí từng tháng, quý, năm theo chế độ quy định của Bộ tài chính và ngành cấp trên. Thực hiện lưu trữ các hồ sơ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của bộ tài chính. Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, công khai minh bạch, tham mưu với Hiệu trưởng về công tác sửa chữa, mua sắm tài đảm bảo phục vụ tốt việc thực hiện chương trình GDPT năm 2018.

***\* Nhân viên Văn thư:* Ngô Thị Hồng**

- Quản lý hồ sơ: Công văn đi – đến.

- Quản lý hồ sơ Cán bộ - GV – CNV.

- Quản lý hồ sơ nhà trường.

- Trực tiếp quản lý hệ thống văn bản:

 [https://pgddienchau. vnptioffice. vn](https://pgddienchau.vnptioffice.vn)

- Nạp báo cáo lên cấp trên.

- Trực tiếp theo dõi, ghi chép hồ sơ tiếp dân; học sinh vắng…

- Trực tiếp tham gia công tác Kiểm định chất lượng – Trường chuẩn quốc gia phần thu thập minh chứng, sắp xếp hồ sơ theo Hộp.

- Thực hiện các công việc lãnh đạo giao.

**\* Nhân viên bảo vệ:**

 Trực cổng chính để theo dõi người ra – vào trường, hướng dẫn khách liên hệ công tác, nhắc nhở học sinh thực hiện nội quy về đồng phục, tác phong, v. v. . . trước khi vào trường.

 Tuần tra để theo dõi và kịp thời phát hiện những hành vi sai trái cũng như hiện tượng xâm nhập trái phép, giám sát, bảo vệ tài sản trong khu vực trường.

 Đánh trống báo giờ học, giờ sinh hoạt hay giờ ra về cho cán bộ, giáo viên cũng như học sinh toàn trường được biết.

 Giữ chìa khóa cổng chính, các phòng học…, mở và đóng đúng giờ quy định theo lịch giảng dạy và học tập của các đơn vị trong trường cũng như toàn trường.

 Tham gia vào hoạt động giám sát, bảo vệ các hoạt động thi cử, hội họp, văn nghệ, v. v. . . ở trường.

Trực tiếp hướng dẫn sắp xếp xe, quản lý xe học sinh tới trường.

Chịu trách nhiệm bảo vệ CSVC nhà trường.

**3. Phân công nhiệm vụ cụ thể:**

***\* Phân công nhiệm vụ quản lý, giáo viên, nhân viên:***

| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày sinh** | **Trình độ CM(ghi rõ môn đào tạo ban đầu)** | **Chức vụ** | **Điện thoại** | **Phân công nhiệm vụ chính và công tác Lãnh đạo** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nguyễn Văn Hảo | 07/09/1974 | ĐHTH | HT | 0987469508 | Quản lý chung, Giảng dạy 4 tiết  |
| 2 | Trần Thị Lương | 16/09/1973 | ĐHTH | PHT | 0373563829 | Quản lý chuyên môn và các hoạt động về GV, Giảng dạy 2 tiết  |
| 3 | Nguyễn Thị Lê | 03/09/1974 | ĐH TH | PHT | 0945544257 | Quản lý Phổ cập, bán trú, lao động, thư viện TB và các hoạt động về HS, Giảng dạy 4 tiết  |
| 4 | Nguyễn Thị Tuyết | 18/8/1974 | ĐH TH | TPT ĐỘI | 0908367777 | Giảng dạy 2 tiết , Tổng phụ trách Đội |
| 5 | Nguyễn Thị Lý | 10/12/1975 | ĐH TH | Giáo viên- TTCM | 0972462539 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 1A, Tổ trưởng tổ 1 |
| 6 | Cao Thị Diệu Thơ | 31/08/1982 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0977760601 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 1B |
| 7 | Hoàng Thị Phương | 13/3/1973 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0975633748 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 1C |
| 8 | Vũ Thị Thu | 25/12/1975 | ĐHTH | Giáo viên-  | 0973060447 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 1D |
| 9 | Phan Thị Lan | 09/02/1973 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0357624764 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 1E |
| 10 | Vũ Thị Dung | 15/01/1976 | ĐH TH | Giáo viên- TPCM | 0965287667 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 1G |
| 11 | Phạm Thị Ngọc | 02/08/1971 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0973558978 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 1H |
| 12 | Lê Thị Sâm | 09/12/1973 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0336205605 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2A |
| 13 | Trần Thị Thủy | 18/9/1977 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0342424646 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2B |
| 14 | Cao Thị Ký | 26/02/1971 | CĐTH | Giáo viên-  | 0397498906 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2C |
| 15 | Nguyễn Thị Hằng | 15/5/1975 | ĐH TH | Giáo viên- TPCM | 0396520767 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2D |
| 16 | Ngô Thị Quyền | 18/4/1976 | ĐHTH | Giáo viên-  | 0988716775 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2E |
| 17 | Phạm Thị Hội | 20/09/1974 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0917741521 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2G |
| 18 | Phan Thị Hoa | 10/10/1976 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0962416768 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2H |
| 19 | Ngô Thị Hồ Lan | 03/02/1980 | ĐH THCS | Giáo viên-  | 0968656171 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 2I |
| 20 | Nguyễn Thị Vân Anh | 03/02/1976 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0982040898 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 3A |
| 21 | Nguyễn Thị Sen | 14/10/1974 | ĐH TH | Giáo viên- TTCM | 0979256369 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 3B |
| 22 | Phan Thị Hoa Thành | 20/5/1973 | CĐTH | Giáo viên-  | 0365946474 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 3C |
| 23 | Nguyễn Thị Minh Hoài | 15/02/1975 | CĐTH | Giáo viên-  | 0912256989 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 3D |
| 24 | Cao Thị Ánh Tuyết | 18/01/1978 | CĐTH | Giáo viên-  | 0919042075 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 3E |
| 25 | Đậu Công Chung | 24/08/1974 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0915689588 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 3G |
| 26 | Bùi Thị Hải Vân | 15/02/1973 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0917202948 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 3H |
| 27 | Cao Thị Minh | 25/05/1971 | CĐTH | Giáo viên-  | 0963638759 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 4A |
| 28 | Nguyễn Thị Lành | 15/10/1974 | ĐH TH | Giáo viên- TTCM | 0977593882 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 4B |
| 29 | Cao Thị Thanh Mai | 30/6/1974 | CĐTH | Giáo viên-  | 0915434626 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 4C |
| 30 | Võ Thị Thanh Xuân | 05/10/1977 | ĐH THCS toán | Giáo viên-  | 0342615402 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 4D |
| 31 | Phạm Thị Nhung | 14/7/1973 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0395529858 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 4E |
| 32 | Phạm Thị Ngân | 25/04/1995 | CĐTH | Giáo viên-  | 0854817030 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 4G |
| 33 | Đặng Thị Huyền | 06/06/1975 | CĐTH | Giáo viên-  | 0982668843 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 4H |
| 34 | Phan Thị Tĩnh | 05/05/1982 | ĐH TH | Giáo viên- TPCM | 0369336629 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 5A |
| 35 | Trần Thị Long | 07/02/1979 | ĐH THCS văn | Giáo viên-  | 0914224878 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 5B |
| 36 | Cao Thị Thục | 28/04/1972 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0972858356 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 5C |
| 37 | Lê Thị Thảo | 28/10/1988 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0326175570 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 5D |
| 38 | Phạm Thị Minh Hải | 09/10/1978 | ĐH THCS văn | Giáo viên-  | 0942461162 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 5E |
| 39 | Ngô Thị Thanh Bình | 14/3/1975 | ĐH TH | Giáo viên-  | 0977171565 | Giảng dạy và chủ nhiệm lớp 5G |
| 40 | Cao Thị Thương | 02/04/1978 | ĐH NN | Giáo viên-  | 0853615162 | Giảng dạy MÔN ANH K4,5, Thư ký HĐ |
| 41 | Lê Thị Quỳnh Nga | 26/4/1980 | ĐH NN | Giáo viên-  | 0978665789 | Giảng dạy ANH K4,5 |
| 42 | Đặng Thị Vân Hương | 04/03/1978 | ĐH NN | Giáo viên-  | 0986320349 | Giảng dạy ANH K2,4 |
| 43 | Ninh Thị Hạnh Phương | 22/01/1979 | ĐH NN | Giáo viên-  | 0919530703 | Giảng dạy ANH K1,3 |
| 44 | Nguyễn Thị Lưu Châu | 25/07/1973 | ĐH MT | Giáo viên-  | 0392821498 | Giảng dạy MÔN MT,TC 2,3 |
| 45 | Ngô Đức Tưởng | 30/10/1976 | ĐH MT | Giáo viên-  | 0988466624 | Giảng dạy MÔN MT,TC 1,5 |
| 46 | Lê Thanh Đạo | 04/03/1977 | ĐH TD | Giáo viên-  | 0962268103 | Giảng dạy môn Thể dục 1,5 ;TBTTrND |
| 47 | Võ Thị Tuyết | 10/09/1971 | CĐTD | Giáo viên-  | 0833714034 | Giảng dạy môn Thể dục 2,4 |
| 48 | Trần Thị Hà | 15/08/1978 | ĐH THCS sử | Giáo viên-  | 0377606939 | Giảng dạy môn SỬ, Địa-Khoa học |
| 49 | Đinh Thị Lan | 14/7/1984 | ĐH TIN | Giáo viên-  | 0987855185 | Giảng dạy Môn Tin học 3,4,5 |
| 50 | Lê Thị Ninh | 26/07/1983 | ĐH NHAC | Giáo viên-  | 0334655456 | Giảng dạy môn Âm nhạc 1,2,3 |
| 51 | Phan Huy Thư | 10/5/1977 | ĐH KẾ TOÁN | Kế toán | 0985227928 | Kế Toán, Y tế học đường |
| 52 | Đoàn Thị Ngọc Lan | 06/03/1986 | ĐH LT-QTVPO | TV-TB | 0349870879 | TV-TB |
| 53 | Ngô Thị Hồng | 18/3/1983 | ĐHKT | Văn Phòng | 0973156062 | Văn thư – Lưu trử |
| 54 | Hoàng Khánh |   |   | Bảo vệ  |  | Bảo vệ, Lao công.   |
|  |  |   |   |   |  |   |

 **Ngoài các nhiệm vụ nói trên, giáo viên nhân viên thược hiện một số nhiệm vụ đột xuất khác khi có yêu cầu cấp thiết.**

**II. Công tác kiểm tra, giám sát:**

- Thành lập ban kiểm tra, giám sát để hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên và kiểm tra, giám sát định kỳ theo kế hoạch kiểm tra nội bộ đã xây dựng.

- Cuối tháng, cuối, kỳ và cuối năm đều có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát để góp phần đánh giá, xếp loại thi đua chính xác, tạo động lực thúc đẩy các phong trào thi đua trong nhà trường và điều chỉnh kế hoạch thực hiện kịp thời đạt hiệu quả cao nhất.

**III. Các chế độ thông tin, báo cáo:**

- Đảm bảo chế độ báo cáo, thông tin hai chiều kịp thời, chính xác.

**-** Hiệu trưởng chịu trách nhiệm ký, duyệt báo cáo về Phòng GD&ĐT và cấp trên theo quy định.

- Phó hiệu trưởng tập hợp báo cáo của các tổ chuyên môn, báo cáo phần mềm các báo cáo chuyên đề; báo cáo việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới lớp 5.

- Tổ trưởng chuyên môn và trưởng các ban ngành có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động của tổ mình phụ trách và kế hoạch tuần tiếp theo vào thứ năm hàng tuần; báo cáo chất lượng giáo dục của tổ mình và các báo cáo liên quan khi cần thiết.

- Giáo viên báo cáo kết quả hoạt động của lớp được phân công, cập nhật kết quả đánh giá chất lượng giáo dục lên phần mềm và các báo cáo khác khi cần thiết.

Trên đây là kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025. Trong quá trình thực hiện, tùy vào tình hình, điều kiện thực tế, có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc, các thành viên trong hội đồng nhà trường trực tiếp gặp hiệu trưởng để giải quyết. /.

**Nơi nhận: HIỆU TRƯỞNG**

*- Phòng GD&ĐT (để BC);*

*- Đảng ủy, UBND xã (chỉ đạo);*

*- Ban đại diện CMHS (phối hợp);*

*- Công đoàn trường (phối hợp);*

**-** *Tổ trưởng chuyên môn (Thực hiện);*

*- Lưu: hồ sơ, VT. /.*

 **Nguyễn Văn Hảo**

**TM HỘI ĐỒNG TRƯỜNG**

**P. CHỦ TỊCH**

**Phạm Thị Nhung**

**PHẦN VI: KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG**

| **Thời gian** | **Nội dung công việc** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| Tháng 8/2024 | - Tuyển sinh lớp 1. Ôn tập và đánh giá lần 2 cho học sinh chưa HTCT cho khối lớp 1. Tựu trường năm học 2024-2025 vào ngày 28/8- Tổng kết năm học 2023-2024 và triển khai NVNH 2024-2025. - Cùng Ban ĐDCMHS rà soát CSVC để chuẩn bị các ĐK cho năm học mới. - Tổ chức Hội thảo, tập huấn chuyên môn: Tập huấn sử dụng SGK lớp 5; Tập huấn, bồi dưỡng cho CBQL, GV dạy lớp 5 môn Tin học; Tập huấn khai thác, sử dụng học liệu tiếng Anh; Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị nhà trường cho đội ngũ CBQL cấp tiểu học; Hội nghị, tập huấn xây dựng thư viện nhà trường theo mô hình của Room to Read; Tập huấn Học bạ số, CĐ Họp cha mẹ học sinh đầu năm. - XD KHGDNT, KHGD môn học, góp ý, bổ sung KHGDNT; KHGDTC - Xây dựng và ban hành CTGDNT năm học 2024 -2025 và các quy chế trong nhà trường. - Tham gia Hội nghị triển khai NVNH 2024-2025 của Bộ, Sở- Hội nghị triển khai nhiệm vụ năm học 2024-2025 của huyện. + Tập huấn khai thác, sử dụng học liệu tiếng Anh;+ Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị nhàtrường cho đội ngũ CBQL cấp tiểu học;+ Tập huấn cho GV tuyển dụng Tháng 8/2024. + Hội thảo định hướng lập kế hoạch hoạt động dự ánHọc thông qua Chơi;+ Hội nghị, tập huấn xây dựng thư viện nhà trường theomô hình của Room to Read;- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo lịch Công tác tháng8/2024 |  |
| Tháng 9/2024 | - Khai giảng năm học mới và Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường 05/9- Triển khai các hoạt động giáo dục nhân tháng An toàn giao thông; các hoạt động nhân tháng Khuyến học- Báo cáo dữ liệu Giáo dục Tiểu học đầu năm học qua phần mềm EQMS- Tập huấn sử dụng tài liệu giáo dục địa phương lớp 5- Kiểm tra công tác triển khai các nhiệm vụ đầu năm học và tổ chức dạy học CTGDPT 2018. - Hoàn thành việc xây dựng KHGD nhà trường và duyệt tại phòng- Thực hiện chương trình năm học mới từ 05/9/2023- Các tổ sinh hoạt chuyên môn đầu năm học- Kiểm tra nội bộ nhà trường, dự giờ GV lớp 5- Báo cáo dữ liệu GD tiểu học đầu năm học qua phần mềm CSDL. - Hội nghị CBVC và kiện toàn các tổ chức, đoàn thể. - Duyệt kế hoạch tổ chuyên môn, kế hoạch các bộ phận: HP,TV-TB, đội, y tế, … ; kế hoạch chủ nhiệm lớp và kế hoạch cá nhân. - Hoàn thành dữ liệu PCGDTH ĐĐT. (Phần mềm Hoàng Cường)- Tổ chức họp Ban đại diện CMHS các lớp đầu năm. (8/9)- Tham gia SHCM do phòng tổ chức. + Tập huấn kỹ năng hỗ trợ chuyên môn dự án Học+ Tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị nhàtrường cho đội ngũ CBQL cấp tiểu học (theo kế hoạch);+ Tập huấn sử dụng học bạ số;- Tham gia cuộc thi Giải thưởng Mỹ thuật Nghệ An |  |
| Tháng 10/2024 | - Nạp hồ sơ PCGDTH năm 2024;- Tổ chức Hội thảo, tập huấn vụ chuyên môn:+ Tâp huấn, hỗ trợ chuyên môn dự án Học thông quaChơi;- Giám sát, báo cáo các hoạt động dự án Học thông quaChơi;- Dạy thực nghiệm Tài liệu Giáo dục địa phương lớp 5;- Thực hiện kiểm tra chuyên đề và kiểm tra NVNH- Tư vấn DH lớp 5- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo lịch Công tác tháng10/2024- Nạp hồ sơ đội tuyển GV dự thi GVDG huyện cấp TH 2024 |  |
| Tháng 11/2024 | - Tổ chức kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11- KTĐK giữa học kỳ I, năm học 2024-2025- Kiểm tra, thực hiện thu quỹ ban ĐCMHS năm học 2024-2025- Tâp huấn, hỗ trợ chuyên môn dự án Học thông qua Chơi- Tham gia hội thi GVDG huyện 2024 (Tháng 11,22/2024) |  |
| Tháng 12/2024 | - Kiểm tra thực hiện tổ chức dạy học CTGDPT 2018- Hoàn thiện hồ sơ trình UBND các cấp công nhậnPCGDTH năm 2024- Tổ chức Hội thảo, tập huấn chuyên môn:+ Hội thảo, tập huấn dạy học các môn: Lịch sử-Địa lý;Âm nhạc, Mỹ thuật, Hoạt động trải nghiệm lớp 5;+ Sinh hoạt chuyên môn về Học thông qua Chơi;- Sinh hoạt chuyên môn cấp huyện về DH lớp 5- Thi GVDG cấp huyện (Tháng 11,12/2024) |  |
| Tháng 01/2025 | - Kiểm tra thực hiện tổ chức dạy học CTGDPT 2018- Thực hiện KTĐK cuối học kỳ I; triển khai các nhiệmvụ học kỳ II, năm học 2024-2025;- Sinh hoạt chuyên môn về Học thông qua Chơi- Tiếp tục thi GVDG huyện phần thực hành- Kiểm tra chuyên đề và kiểm tra NVNH- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo lịch Công tác tháng01/2025 |  |
| Tháng 02/2025 | - Duy trì tốt nền nếp dạy và học sau Tết Nguyên đán;- Chuyên đề thiết thực, SHCM cụm trường. - Tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Đảng- Các tổ SHCM- Chuyên đề thiết thực, SHCM cụm trường. - Kiểm tra nội bộ nhà trường |  |
| Tháng 3/2025 | - Kiểm tra định kỳ giữa học kỳ II;- Tập huấn CTGDPT 2018 cho giáo viên lớp 5 các môn học/HĐGD. - Giao lưu Olympic TTT cấp Huyện. - Kỉ niệm ngày 08/3; 26/3. - Chấm thi lớp học an toàn, lớp học đẹp. - Các tổ SHCM, tổ chức HĐTN- Kiểm tra nội bộ nhà trường, dự giờ GV lớp 3 |  |
| Tháng 4/2025 | - Tổ chức Ngày hội đọc sách;- Kiểm tra các chuyên đề nội bộ trường học. - Khảo sát chất lượng học sinh lớp 5- Hội thi Tin học trẻ cấp huyện**-** Tổ chức Ngày Hội Sách;- Tham gia giao lưu Văn, Toán tuổi thơ tiểu học cấptỉnh;- Hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm áp dụng Học thông quaChơi;  |  |
| Tháng 5/2025 | - Kiểm tra định kỳ cuối năm học; Hoàn thành CT năm học 2024-2025- Tổ chức HĐTN làm quen cho HS mầm non với trường TH, tổ chức cho HS lớp 5 làm quen với các HĐ ở trường THCS, tổ chức Lễ ra trường và bàn giao HS lớp 5. - Tham gia dự thi Đại sứ Văn hóa đọc- Hội thi Tin học trẻ cấp tỉnh- Tổng hợp kết quả năm học; Duyệt CSDL, HTCTTH lần 1. - Hoàn thành hồ sơ và xét thi đua khen thưởng cuối năm học. - Tổ chức lễ Tổng kết và bàn giao học sinh về địa phương. - Kiểm kê, bàn giao CSVC, tài chính, phân công trực hè. - Hoàn chỉnh các Báo cáo gửi Phòng GD&ĐT.  |  |
| Tháng 6/2025 | - Nạp các loại báo cáo với phòng GD&ĐT. - Tham gia Giao lưu Văn, Toán tuổi thơ tiểu học cấpQuốc gia;- Tham gia dự thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng. - Hội thi Tin học trẻ cấp Quốc gia- Hoàn thành báo cáo năm học và báo cáo thi đua nămhọc 2024-2025;- Hội thảo tổng kết dự án Học thông qua Chơi- Xây dựng kế hoạch BDTX hè và năm học mới.  |  |
| Tháng 7/2025 | - Chuẩn bị công tác bồi dưỡng hè 2025. - Tham gia tập huấn do Bộ, Sở GD&ĐT triển khai. - Xây dựng phương án tổ chức dạy học 2025-2025. Chuẩn bị các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học cho năm học mới |  |